TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/10/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiền
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà
- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2004 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXX-ST ngày 16/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25a/2024/QĐ-HPT ngày 27/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm 2002 (có mặt).
Trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lò Văn C - Sinh năm 2000 (vắng mặt).
Trú tại: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/7/2024 và đơn sửa đổi bổ sung ngày 12 tháng 8 năm 2024 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, chị Lò Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn C tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/03/2020. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống tại nhà chồng, tại bản Nà L, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Được một thời gian thì tôi phát hiện ra anh C bị nghiện chất ma túy, tháng 9 năm 2021 anh C bị đi tù một năm về tội ma túy chấp hành án tại trại giam N, đến tháng 9 năm 2022 anh C chấp hành án xong trở về địa phương. Kể từ năm 2022, tôi và anh C đã ly thân, không còn quan tâm, thăm nom gì nhau.Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Tôi và anh C có 01 con chung là cháu Lò Bảo S ngày 08/7/2020. Quan điểm của tôi xin được nuôi và chăm sóc cháu S cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa giải quyết

Ngày 14/8/2024, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân thành phố Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị T cho anh C được biết, giao Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh C. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh C không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án hợp lệ cho anh Chung, nhưng anh C vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 16/9/2024 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra Quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh C đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc anh C không thực hiện quyền và nghĩ vụ được quy định tại các Điều 70;72/BLTTDS là do anh C đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị Lò Thị T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị T và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do trưởng bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống

phát sinh mâu thuẫn do anh C và chị T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, anh C có chơi bời và bị nghiện chất ma túy vào năm 2021, hai gia đình đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, từ khi anh C đi cải tạo hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, chị Tim đã về bản Nà N sinh sống. Bản thân chị T xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị T và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do hai anh chị đã sống ly thân hơn 2 năm nay, bản thân anh C cũng không có ý định hàn gắn tình cảm bỏ mặc chị T như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị T cùng con. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn C.

[3]. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Bảo S, sinh ngày 08/7/2020

Xét thấy hiện tại chị T mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung bởi cháu đang còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do anh C bị nghiện chất ma túy anh C cũng không có ý định đón chị T về chung sống. Như vậy không đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị T. Giao con cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh C có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] .Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T

[5]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn C

2. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng con chung cháu Lò Bảo S sinh ngày 08/07/2020 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp d- ỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; diện tích ruộng, nương, Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/10/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi:
- TAND Tỉnh Điện Biên
- VKS TPĐBP
- Chi cục THADS T
- UBND xã Nà T;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Kế toán, vp

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạc Thị Liên